| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ T**<br>TỈNH B ÌNH DƯƠNG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 01/2021/HNGĐ
Ng ày: 06 – 01– 2021
*Về việc ly h ôn.*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***- Với Hội đồng x ét xử sơ thẩm gồm c ó:***

*Thẩm ph án - Chủ tọa phi ên t òa:* B à Nguyễn Thị Tuyết Ánh.

*C ác Hội thẩm nh ân d ân:*

1. Bà Trần Ngọc Phương.

2. Bà Lê Thị Thiện.

*- Thư k ý phi ên to à:* Ông Nguyễn Hoàng Tấn – Thư ký T òa án nh ân d ân th ành phố T, tỉnh Bình Dương.

*- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương tham gia phi ên t òa:* B à Nguyễn Ngọc Hương – Kiểm sát viên.

V ào ng ày 06 th áng 01 năm 2021, tại trụ sở T òa án nh ân d ân thành phố T, tỉnh Bình Dương x ét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ l ý số 1309/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2020 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra x ét xử số 105/2020/QĐXXST - HNGĐ ng ày 16 th áng 12 năm 2020, giữa c ác đương sự:

1) Nguyên đơn: Bà Phan Thị Thu S, sinh năm 1996; HKTT: Ấp B, x ã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2) Bị đơn: Ông Nguyễn Minh N, sinh năm 1996; HKTT: khu phố B, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình tố tụng nguy ên đơn b à Phan Thị Thu S tr ình b ày:*

B à Phan Thị Thu S v à ông Nguyễn Minh N quen biết nhau từ năm 2016, đến tháng 7 năm 2019 b à S v à ông N tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. B à S v à ông N chung sống tại khu phố B, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Thời gian đầu b à S v à ông N chung sống hạnh phúc, tuy nhiên sau khi chung sống được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguy ên nh ân do t ính t ình không hợp, bất đồng quan điểm sống, nên thường xuyên cãi nhau. B à S v à ông N đã nhiều lần ngồi nói chuyện để hàn gắn tình cảm với nhau nhưng không thành. Do không thể chung sống với ông N được nữa nên b à S đã chuyển ra ngoài sống riêng từ tháng 5 năm 2020 đến nay. Quá trình chung sống b à S v à ông N không có con chung, không có tài sản chung và không c ó nợ ai. Hiện tại, b à S xác định

tình cảm với ông N không còn, đời sống chung không hạnh phúc. Do đó bà S giữ nguyên yêu cầu khởi kiện:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu Tòa án không công nhận bà Phan Thị Thu S và ông Nguyễn Minh N là vợ chồng.

- Về con chung: Bà S và ông N không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà S yêu cầu được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, giải quyết, xét xử vụ án.

*Quá trình tố tụng bị đơn ông Nguyễn Minh N trình bày:*

Thống nhất ý kiến trình bày của bà S về thời gian chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn, về tình trạng hôn nhân, ông N xác định chưa đăng ký kết hôn với bà S. Hiện tại ông N và bà S đã mâu thuẫn trầm trọng, không còn tình cảm với nhau và không tiếp tục chung sống được nên không thể quay về đoàn tụ để đăng ký kết hôn theo quy định. Do đó ông N đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà S về việc yêu cầu Tòa án không công nhận ông N và bà S là vợ chồng. Quá trình chung sống ông N và bà S không có con chung, không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông N không có yêu cầu phản tố trong vụ án, yêu cầu được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, giải quyết, xét xử vụ án.

*Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được Hội đồng xét xử xem xét, kết quả tranh luận tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không công nhận bà Phan Thị Thu S và ông Nguyễn Minh N là vợ chồng. Quá trình chung sống ông N và bà S không có con chung, tài sản chung, nợ chung và các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Phan Thị Thu S và bị đơn ông Nguyễn Minh N chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu không công nhận nguyên đơn và bị đơn là vợ chồng; bị đơn có nơi cư trú tại khu phố B, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn, bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng. Do đó, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Thu S và ông Nguyễn Minh N tự nguyện chung sống với nhau từ tháng 7 năm 2019, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Tòa án đã phân tích, giải thích quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình cho các đương sự. Bà S và ông N đều thống nhất xác định quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn, quan điểm sống bất đồng, tính tình không hợp nhau nên hay cãi nhau, tình cảm không còn, không tiếp tục chung sống cùng nhau được. Do đó, bà S khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận bà S và ông N là vợ chồng. Ông Nguyễn Minh N thống nhất với lời trình bày và đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy, trong thời gian sống chung bà Phan Thị Thu S và ông Nguyễn Minh N có đủ điều kiện để đăng ký kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Đồng thời, bà S và ông N thống nhất yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ không công nhận bà Phan Thị Thu S và ông Nguyễn Minh N là vợ chồng.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống bà S và ông N không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những nhận định trên, có cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Thu S.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở và phù hợp quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Bà Phan Thị Thu S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 9, 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Thu S đối với bị đơn ông Nguyễn Minh N về việc ly hôn.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Phan Thị Thu S và ông Nguyễn Minh N là vợ chồng.

- Về con chung: Bà Phan Thị Thu S và ông Nguyễn Minh N không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Phan Thị Thu S và ông Nguyễn Minh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Phan Thị Thu S phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0053153 ngày 11/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố T, tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố T, tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Tuyết Ánh**